

Số: 2613673

|                                            | Kia New Sorento - 2.5G<br>Signature AWD | Peugeot 408 GT         |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.329.000.000đ</b>                   | <b>1.269.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                         |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4,815 x 1,900 x 1,700                   | 4687 x 1850 x 1510     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                    | 2787                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                    |                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                     | 189                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                     | 536                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                      | 52                     |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                       | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                        | SX-LR trong nước       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                         |                        |
| Loại động cơ                               | Smartstream G2.5                        | 1,6T PureTech          |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2497                                    | 1598                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 177 / 6000                              | 218 / 5500             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 232 / 4000                              | 300 / 2000             |
| Hộp số                                     | 6AT                                     | 8AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu AWD (+ Khóa vi sai trung tâm)     | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                               | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                        | Bán Độc Lập            |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                     | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                     | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 255/45 R20                              | 245/40 R20             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 11.70                                   | 10.09                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.7                                     | 6.64                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 8.6                                     | 7.93                   |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                 | Eco/Normal/Sport       |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand                           | -                      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                         |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                           | Matrix LED             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                       | ●                      |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                       | ● (Phân vùng ánh sáng) |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                       | ●                      |
| Đèn sương mù                               | LED                                     | -                      |
| Cụm đèn sau                                | LED                                     | Nhận diện phiên bản GT |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                       | ●                      |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                       | ●                      |
| Cửa sổ trời                                | ●                                       | ●                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                         |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                       | ● (Phong cách GT)      |
| Chất liệu ghế                              | Da                                      | Da Nappa               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                       | ●                      |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                       | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                       | ●                      |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                       | -                      |

|                                    |                                |              |
|------------------------------------|--------------------------------|--------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi   | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng) | ●            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                              | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3"                          | Digital 10   |
| Màn hình HUD                       | ●                              | -            |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 12.3"                          | Digital 10   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                              | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                              | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2 vùng                         | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                              | ●            |
| Chìa khóa thông minh               | ●                              | ●            |
| Khởi động nút bấm                  | ●                              | ●            |
| Khởi động từ xa                    | ●                              | -            |
| Hệ thống âm thanh                  | 12 loa Bose                    | 10 loa Focal |
| Lẫy chuyển số                      | ●                              | ●            |
| Sạc không dây Qi                   | ●                              | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                              | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                              | -            |
| Đèn trang trí nội thất             | ●                              | ●            |
| Rèm che nắng                       | ●                              | -            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                              | ●            |

#### AN TOÀN:

|                                                 |                                                      |             |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6                                                    | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                                    | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                                    |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                                    |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau                                          | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù)         | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm)                           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | FCA 2.0                                              | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                                    | ●           |
| Camera lùi                                      | Camera 360                                           | ● (360)     |
| Khác                                            | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |             |